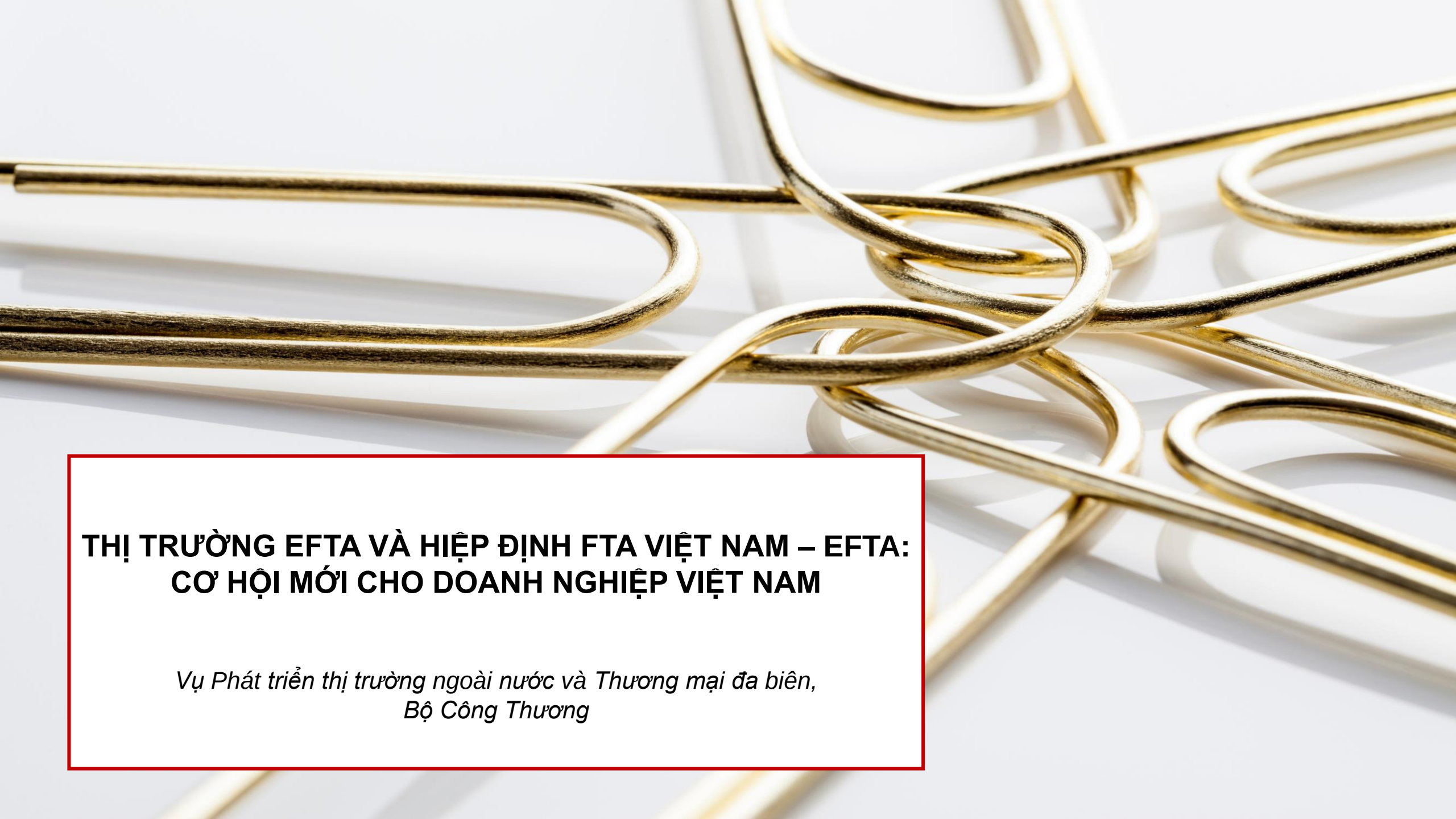


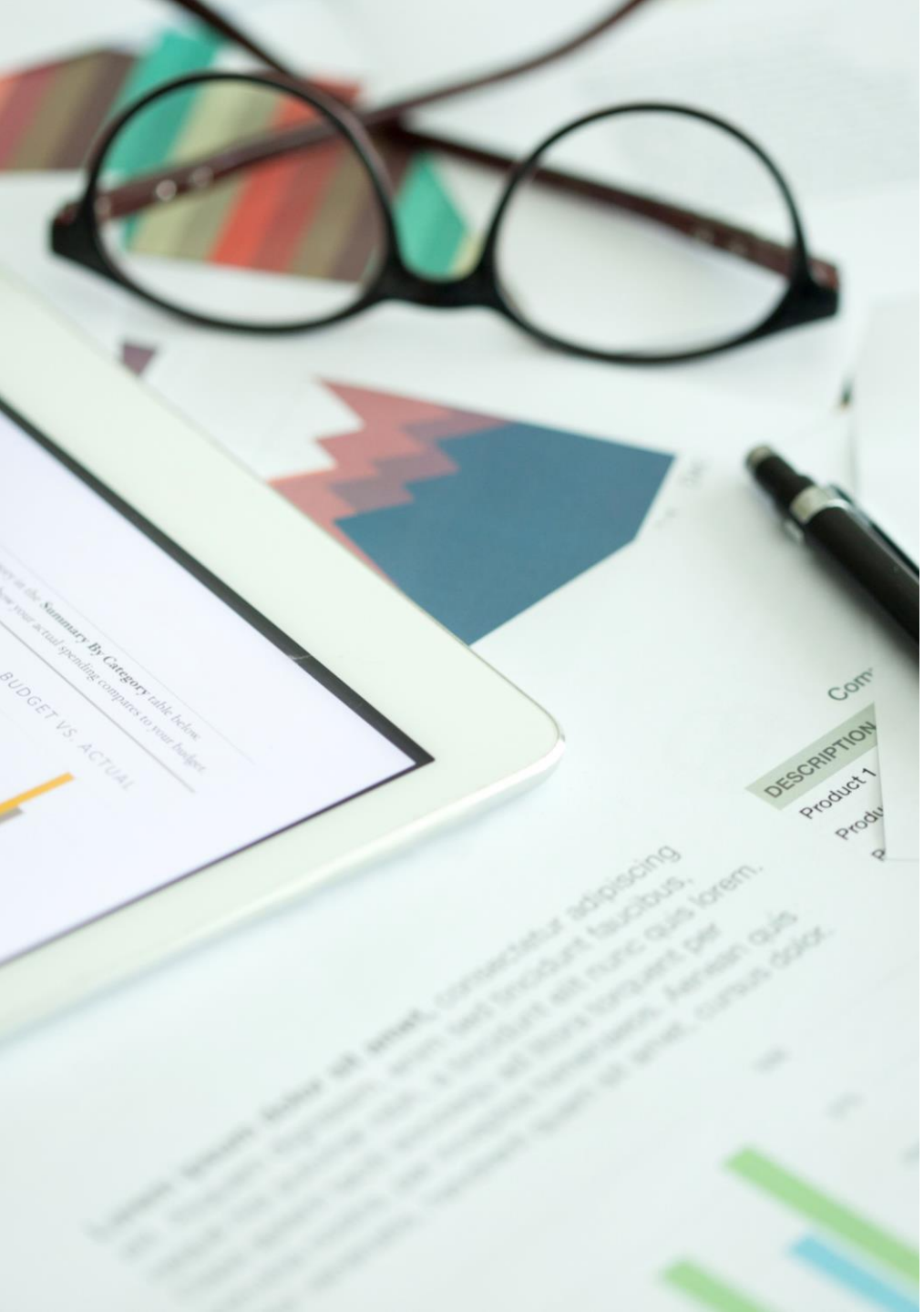
THỊ TRƯỜNG EFTA VÀ HIỆP ĐỊNH FTA VIỆT NAM – EFTA: CƠ HỘI MỚI CHO DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Vụ Phát triển thị trường ngoài nước và Thương mại đa biên,
Bộ Công Thương

Quy mô thương mại song phương giữa Việt Nam với các nước EFTA năm 2023-2025

NĂM	KIM NGẠCH	NA UY	THỤY SĨ	ICELAND	LIECHSTENTEIN	EFTA	TĂNG TRƯỞNG
2023	XK	214,622	198,5	3,443	1,587	418,179	8,3 %
	NK	430,000	627,2	0,822	13,95	1072,112	-0,5%
	XNK	**644,680**	**825,8**	**4,265**	**15,542**	**1490,291**	**1,8%**
2024	XK	136,362	183,6	3,105	229,317	323,359	-22,7%
	NK	516,906	627,6	4,423	12,364	1161,329	8,2%
	XNK	**653,268**	**811,2**	**7,528**	**12,593**	**1484,688**	**-0,5%**
2025	XK	214,498	184,0	6,508	78,293	405,092	21,4%
	NK	640,679	858,6	10,067	7,118	1516,555	30,8%
	XNK	**855,178**	**1042,6**	**16,576**	**7,196**	**1921,647**	**28,7%**

Đơn vị tính: Triệu USD
Nguồn: Cục Hải quan Việt Nam



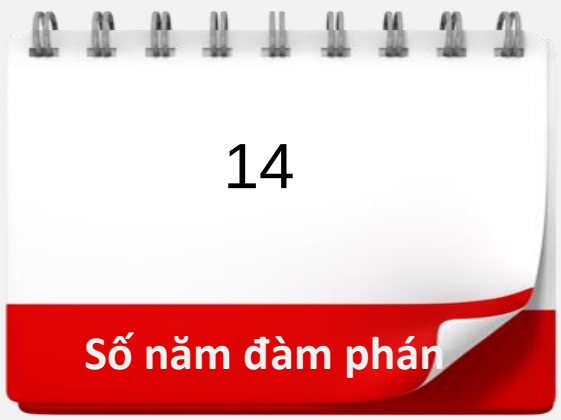
Một số đặc điểm nổi bật của thị trường EFTA

- Thị trường có sức mua cao, thu nhập bình quân đầu người thuộc nhóm cao nhất thế giới.
- Yêu cầu cao về chất lượng và phát triển bền vững.
- Mức độ mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng: có chính sách thương mại tương đối mở, mạng lưới FTA rộng và quan hệ kinh tế chặt chẽ với EU.
- Cơ cấu thương mại mang tính bổ trợ với Việt Nam: có thế mạnh về công nghệ, máy móc, dược phẩm, tài chính và năng lượng.
- Thị trường có sự khác biệt giữa các nước thành viên: Thụy Sĩ và Na Uy là hai thị trường lớn, có tiềm năng khai thác đáng kể; Iceland và Liechtenstein có quy mô nhỏ hơn, phù hợp với các sản phẩm chuyên biệt, chất lượng cao và các phân khúc thị trường ngách.

LƯU Ý: EFTA không phải là một liên minh thuế quan. Do vậy, doanh nghiệp cần nghiên cứu riêng biểu thuế quan (trừ Thụy Sỹ và Liechtenstein có chung 1 biểu thuế nhập khẩu), điều kiện nhập khẩu và nhu cầu tiêu dùng của từng thị trường. Đặc biệt, một số hàng nông sản chịu các cơ chế ưu đãi khác nhau giữa các nước EFTA.

Quá trình đàm phán Hiệp định FTA VIỆT NAM – EFTA











Các nội dung thuộc diện điều chỉnh của VEFTA

- Thương mại hàng hóa
- Quy tắc xuất xứ
- Các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT)
- Các biện pháp vệ sinh kiểm dịch động thực vật (SPS)
- Quản lý hải quan và thuận lợi hóa thương mại
- Cạnh tranh
- Phòng vệ thương mại
- Mua sắm của Chính phủ
- Thương mại dịch vụ
- Đầu tư
- Sở hữu trí tuệ
- Thương mại và Phát triển bền vững
- Các quy định về pháp lý – thể chế

Các lợi ích chính đối với Việt Nam



Mở rộng và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm sự phụ thuộc vào một số thị trường xuất khẩu truyền thống



Thúc đẩy thu hút đầu tư chất lượng cao và chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ cao, tài chính, dược phẩm, năng lượng tái tạo và sản xuất công nghiệp tiên tiến



Thúc đẩy thương mại gắn với phát triển bền vững, tăng cường hợp tác với các nước EFTA trong các lĩnh vực năng lượng tái tạo, công nghệ sạch và kinh tế tuần hoàn, hỗ trợ doanh nghiệp VN thích ứng với các tiêu chuẩn quốc tế ngày càng cao

Tổng quan chung về cam kết thuế quan của EFTA đối với Việt Nam

Xóa bỏ thuế quan ngay: hơn 90% số dòng thuế
(tương đương 99,5% KN nhập khẩu từ Việt Nam)

Toàn bộ hàng công nghiệp (bao gồm cả thủy sản)
và đa số hàng nông sản: xóa bỏ thuế quan ngay

Nhiều mặt hàng nông sản chủ lực của Việt Nam
như gạo, mật ong, rau quả,... : được cắt giảm thuế

Tổng quan chung về cam kết thuế quan của Việt Nam đối với EFTA

Tỷ lệ tự do hóa thuế NK vào cuối lộ trình: hơn 86% số dòng thuế (tương đương hơn 99% KN nhập khẩu từ EFTA)

Lộ trình xóa bỏ thuế nhập khẩu: 3-5-7-10-12-15 năm

Cam kết cắt giảm thuế xuất khẩu đối với 69 dòng thuế; áp dụng cơ chế “rà soát” trong tương lai



Cam kết về thương mại dịch vụ - đầu tư

- **Dịch vụ:**

- Phạm vi cam kết dịch vụ: Di chuyển thể nhân, dịch vụ tài chính, dịch vụ viễn thông, dịch vụ vận tải hàng hải quốc tế và các dịch vụ liên quan, danh mục loại trừ MFN.
- VN mở cửa cho EFTA dịch vụ vận tải biển, dịch vụ tái bảo hiểm và nhượng tái bảo hiểm, dịch vụ chứng khoán, dịch vụ bảo trì và sửa chữa tàu.
- EFTA dành cho VN cam kết tương đương hoặc cao hơn FTA của bạn với một số nước trong khu vực ASEAN về di chuyển thể nhân (mở rộng phạm vi đối tượng thực tập sinh, khách kinh doanh, giảm các yêu cầu về bằng cấp...)

- **Đầu tư:**

- VN cam kết theo “chọn – cho” với mức tương đương như EVIPA.
- EFTA mở cửa thị trường cho VN đối với các ngành nông lâm ngư nghiệp, khai khoáng, và các ngành sản xuất (dệt may, điện tử, máy móc, ô tô, dược phẩm, giấy, hóa chất...).



Cam kết về quy tắc xuất xứ

- Quy định các tiêu chí xác định xuất xứ chính: xuất xứ thuần túy, xuất xứ không thuần túy và sản xuất toàn bộ.
- Cộng gộp xuất xứ: cho phép cộng gộp mở rộng đối với hàng hóa phi nông nghiệp có xuất xứ từ các nước ASEAN và EU, đồng thời cam kết rà soát danh sách các nước được áp dụng cộng gộp mở rộng trong vòng 03 năm.
- Nguyên tắc lãnh thổ: cho phép gia công ngoài lãnh thổ đối với một số mặt hàng cụ thể có lợi ích thực tế hoặc tiềm năng mang lại lợi ích trong tương lai, với tỷ lệ trị giá gia tăng ngoài lãnh thổ tối đa 10%.
- Cơ chế chứng nhận xuất xứ hàng hóa: áp dụng cơ chế tự chứng nhận xuất xứ (đối với hàng hóa xuất khẩu từ EFTA); cơ chế cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và cơ chế tự chứng nhận xuất xứ hàng hóa (đối với hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam).



Cam kết về TBT và SPS

- **Cam kết về TBT:**

- Khẳng định tăng cường hợp tác thông qua việc củng cố vai trò của tiêu chuẩn quốc tế làm cơ sở để xây dựng quy chuẩn kỹ thuật, thủ tục đánh giá sự phù hợp; tăng cường công nhận tổ chức đánh giá sự phù hợp; thừa nhận lẫn nhau kết quả đánh giá sự phù hợp.
- Mỗi Bên có thể đề nghị mở rộng đối xử tương đương liên quan đến sử dụng quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn, thủ tục đánh giá sự phù hợp trong phạm vi thỏa thuận mà hai Bên có với EU.

- **Cam kết về SPS:**

- Công nhận các khái niệm về khu vực phi dịch bệnh, khu vực có mức dịch bệnh thấp... phù hợp với HĐ SPS của WTO, các tiêu chuẩn, hướng dẫn hoặc khuyến nghị của Tổ chức Thú y thế giới, Công ước Bảo vệ thực vật quốc tế.
- Có cơ chế tham vấn đối với biện pháp SPS có khả năng tạo ra hoặc đã tạo ra trở ngại đối với thương mại.

Cam kết về Sở hữu trí tuệ và Mua sắm Chính phủ

- **Cam kết về Sở hữu trí tuệ:**

- Quyền tác giả và quyền liên quan, nhãn hiệu, sáng chế, thông tin bí mật, kiểu dáng công nghiệp...
- Phạm vi cam kết không vượt các FTA mà Việt Nam đã ký kết
- Chỉ dẫn địa lý: cam kết sẽ rà soát sau 03 năm kể từ khi Hiệp định có hiệu lực.

- **Cam kết về Mua sắm Chính phủ:**

Các nguyên tắc về công khai, minh bạch; thúc đẩy sử dụng phương tiện điện tử; khuyến khích đấu thầu bền vững; tạo thuận lợi cho doanh nghiệp nhỏ và vừa; hợp tác, trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao năng lực



Cam kết về Thương mại và phát triển bền vững

- Lao động: tái khẳng định các nghĩa vụ với tư cách là thành viên của Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO)
- Môi trường: cam kết thực hiện hiệu quả và tuân thủ các nguyên tắc môi trường trong các Hiệp định môi trường đa phương đã ký kết, trong khi vẫn duy trì được linh hoạt nhất định; tăng cường hợp tác về quản lý rừng bền vững, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học, thủy sản bền vững, thúc đẩy thương mại xanh, bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và chống khai thác bất hợp pháp.
- Việc thực thi của Chương được thực hiện qua 02 cơ chế chính là tham vấn chính phủ và Hội đồng chuyên gia (có giai đoạn chuyển tiếp 04 năm).
- Không áp dụng cơ chế giải quyết tranh chấp chung của Hiệp định hay các biện pháp trừng phạt thương mại.



Cơ hội và thách thức



- **Mở rộng thị trường xuất khẩu:** có sức mua cao và nhu cầu lớn đối với các sản phẩm chất lượng, đặc biệt là dệt may, da giày, nông sản, thủy sản và hàng chế biến.
- **Tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu:** cơ hội hợp tác với các doanh nghiệp EFTA trong đầu tư, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực sản xuất.
- **Thúc đẩy chuyển đổi xanh và phát triển bền vững:** tiếp cận công nghệ tiên tiến, kinh nghiệm quản trị và các mô hình sản xuất bền vững, qua đó nâng cao chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh.

- **Đáp ứng các tiêu chuẩn cao của thị trường:** các yêu cầu nghiêm ngặt về chất lượng, an toàn sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.
- **Đáp ứng quy tắc xuất xứ:** nguồn nguyên liệu, hệ thống quản lý và chứng từ xuất xứ để tận dụng hiệu quả ưu đãi thuế quan theo Hiệp định.
- **Gia tăng sức ép cạnh tranh và chi phí tuân thủ:** có thể gặp khó khăn về nguồn lực, công nghệ và chi phí đầu tư để đáp ứng các yêu cầu của thị trường và cạnh tranh với hàng hóa, dịch vụ chất lượng cao từ EFTA.



Một số lưu ý cho doanh nghiệp xuất khẩu



- Chủ động tra cứu cam kết thuế quan theo từng mã HS
- Đáp ứng đầy đủ quy tắc xuất xứ để hưởng ưu đãi thuế quan của Hiệp định (xuất xứ hàng hóa, chứng từ xuất xứ…)
- Tuân thủ các yêu cầu SPS, TBT và quản lý nhập khẩu

Các cam kết trong Hiệp định tạo cơ chế tham vấn, minh bạch và xử lý vướng mắc, nhưng không tự động miễn trừ doanh nghiệp khỏi quy định an toàn thực phẩm và kiểm dịch của nước nhập khẩu.

- Chủ động thích ứng với các yêu cầu về phát triển bền vững, đẩy mạnh chuyển đổi xanh, ứng dụng công nghệ sạch, sử dụng hiệu quả tài nguyên và thực hiện trách nhiệm xã hội nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh lâu dài.